UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 283/QĐ-SVHTTDL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 06 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng năm 2023 của Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 1008/UBND-KHTC ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 254/TB-STC ngày 15/12/2022 của Sở Tài chính về kết quả kiểm tra phân bổ dự toán ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023 cho các Sở, ban, ngành tỉnh và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện Kế hoạch phục vụ Tết Nguyên Đán Qúy Mão năm 2023;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng năm 2023 của Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Sở và các phòng khối Quản lý hành chính có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH TÂY NINH

Trần Thị Huy Hoàng

ĐƠN VỊ: SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
Chương: 425

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo quyết định số 282/QĐ-SVHTTDL ngày 6 tháng 7 năm 2023 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2023 như sau:

Đvt:: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023(Bao gồm số chuyển nguồn năm 2022)	Ước Thực hiện 6 tháng năm 2023	Ước Thực hiện/Dự toán năm (%)	Ước Thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (%)
A	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**27**	**53,35**	**198%**	
1	Lệ phí		7,5		
	Lệ phí xét tuyển viên chức		7,5		
2	Phí	**27**	**45,9**	**170%**	
	Phí cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch	4,0	3,25	81%	
	Phí thẩm định cơ sở lưu trú	10,0	10,5	105%	
	Phí thẩm định chương trình biểu diễn nghệ thuật	2,0	0,0	0%	
	Phí thẩm định tác phẩm nghệ thuật nhập khẩu		0,6		
	Phí thẩm định chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	2,0	7,5	375%	
	Phí thẩm định chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Karaoke		6,0		
	Phí thẩm định cấp Giấy phép thành lập công ty lữ hành nội địa	9,0	18,0	200%	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	**Chi sự nghiệp**				
2	**Chi quản lý hành chính**				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**27,0**	**53,35**	**198%**	
1	Lệ phí		7,5		
	Lệ phí xét tuyển viên chức		7,5		
2	Phí	**27**	**45,9**	**170%**	
	Phí cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch	4,0	3,25	81%	
	Phí thẩm định cơ sở lưu trú	10,0	10,5	105%	
	Phí thẩm định chương trình biểu diễn nghệ thuật	2,0	0,0	0%	
	Phí thẩm định tác phẩm nghệ thuật nhập khẩu		0,6		

	Phí thẩm định chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	2,0	7,5	375%	
	Phí thẩm định chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Karaoke		6,0		
	Phí thẩm định cấp Giấy phép thành lập công ty lữ hành nội địa	9,0	18,0	200%	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**11.501**	**3.641**	**32%**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**11.501**	**3.641**	**32%**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**6.764**	**2.847**	**42%**	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.608	2.667	48%	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	962	180	19%	
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tự chủ	128	0	0%	
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương không tự chủ	66	0	0%	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**1.050**	**119**	**11%**	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.050	119	11%	
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương không tự chủ				
5	**Chi đảm bảo xã hội**	**30,8**	**30,8**	100%	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	30,8	30,8	100%	
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**1.568**	**279**	**18%**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.500	279	19%	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn	1.500	279	19%	
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương không tự chủ				
	Kinh phí ngân sách tỉnh đối ứng thực hiện CTMTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi.(Mã CTMTDA: 00516)	68	0		
7	**Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, thông tấn**	**0**	**0**	**0%**	
8	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**370**	**6,0**	**2%**	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	370	6,0	2%	
9	**Chương trình mục tiêu quốc gia**	**1.718**	**359**	21%	
	- CTMTQG Xây dựng Nông thôn mới	60	0	0%	
	- Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Mã 0516	1.658	359	22%	